TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số:190/2022/HS-ST Ngày:10/5/2022	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Công Danh;

2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thế Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa*:** Ông Trương Kim Quyết– Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 134/2022/TLST-HS ngày 23 tháng 03 năm 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 156/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2022 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 286/2022/TB – TA ngày 26/4/2022 đối với:

- ***Bị cáo:*** **Trần M** (tên gọi khác: M M), sinh năm 1993 tại N; Nơi cư trú: 4x/x, tổ 14, khu phố 5, phường T, thành phố B, tỉnh Đ; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Họ tên cha: Trần Quốc T, sinh năm 1970; Họ tên mẹ: Hứa Thị Thu H, sinh năm 1971, Bị cáo là con thứ hai trong gia đình có 04 anh chị em, chưa có vợ con;

- *Tiền án:* Ngày 20/4/2011 bị cáo bị Tòa án nhân dân TP. B kết án 05 năm 06 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" theo bản án số 216/2011/HSST. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/8/2018.

- *Tiền sự*: Không có.

- Nhân thân:

- Ngày 02/9/2010, phạm tội "Cướp tài sản". Ngày 31/3/2011, bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 03 năm 06 tháng tù.

- Ngày 14/7/2010, phạm tội "cố ý gây thương tích". Ngày 20/4/2011, bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 05 năm 06 tháng tù.

- Từ ngày 03/2/2021 đến ngày 13/4/2021, cùng đồng bọn thực hiện 05 vụ Trộm cắp tài sản. Ngày 14/12/2021, bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 01 năm 04 tháng tù giam. Hiện bị cáo đang thi hành án 01 năm 04 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 534/HSST ngày 14/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố B - bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Người bị hại: Anh Nguyễn Thành G, sinh năm 1981.**

Địa chỉ: Khu 5, ấp S, xã L, huyện C, Đồng Nai.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị B, sinh năm 1962.**

Địa chỉ: Khu 5, ấp S, xã L, huyện C, Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính của vụ án:

Ngày 26/6/2019, anh Nguyễn Thành G, sinh năm: 1981, ngụ tại khu 5, ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai điều khiển xe mô tô biển số 60B2- xxx.xx đến thành phố B để tìm bạn. Đến tối, do không có chỗ ngủ nên anh G gọi điện thoại cho bạn tên L (chưa rõ nhân thân, lai lịch) để xin ngủ nhờ. Do đang đi công việc nên L đã điện thoại nhờ 01 người tên T (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đón anh G. Sau đó, T lại nhờ Trần M, sinh năm 1993, ngụ tại tổ 14, khu phố X, phường T đi ra đón anh G đi về nhà trọ do anh Hà Duy C, sinh năm 1990 thuê thuộc tổ 24, khu phố X, phường T, thành phố B để ngủ. Đến khoảng 00 giờ 30 ngày 27/6/2019, T đi đến gặp M bàn bạc với M giả vờ mượn xe mô tô biển số 60B2-XXX.XX của anh G đem đi cầm lấy tiền chơi game bắn cá và tiêu xài. M đồng ý. M vào gặp nói dối với anh G là cho M mượn xe mô tô biển số 60B2-XXX.XX để đi công chuyện, anh G tưởng thật nên đồng ý cho M mượn xe. Sau khi mượn được xe mô tô biển số 60B2-XXX.XX, thì Mạnh đưa xe mô tô cho T điều khiển xe mô tô chở M cùng đi đến gặp người tên N (chưa rõ nhân thân, lai lịch) cầm được số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), số tiền này cả hai đã sử dụng vào việc chơi game bắn cá hết. Thấy M không mang xe về trả nên anh G đi tìm gặp M đòi xe lại, thì M nói xe mô tô biển số 60B2-XXX.XX, M đã đem đi cầm và hứa sẽ chuộc xe trả cho anh G. Đến ngày 24/7/2019, không thấy M trả xe nên anh G trình báo Công an phường T, thành phố B để

giải quyết và lập hồ sơ chuyển Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B để điều tra xử lý. Quá trình điều tra, Trần M đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

(Bút lục số: 01- 02; 52- 61; 65- 73; 77- 90; 94- 97).

Vật chứng vụ án gồm:

01 (một) xe mô tô biển số 60B2-XXX.XX không thu hồi được, lý do M và người tên T (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đã đem cầm cho người tên N (chưa rõ nhân thân, lai lịch).(Bút lục số: 52- 61, 98).

** Kết luận giám định***:**

Tại Kết luận định giá tài sản số: 627/KL-HĐĐGTS ngày 17/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: "01 (một) xe mô tô biển số 60B2-XXX.XX có tổng giá trị tài sản định giá là 16.395.000 đồng (mười sáu triệu, ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng)" (bút lục số: 26- 27).

** Về dân sự:*

Quá trình điều tra, anh Nguyễn Thành G yêu cầu Trần M bồi thường số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng), Trần M đã bồi thường được số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng). Anh G yêu cầu bị cáo bồi thường tiếp số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) (bút lục số: 77- 79, 90)

2. Truy tố:

Tại Cáo trạng số: 150/CT-VKSBH ngày 21/3/2022 và Quyết định sửa đổi, bổ sung Cáo trạng số 221/QĐ – VKSBH ngày 29/4/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Trần M về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", theo Khoản 1, Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

+ Áp dụng Khoản 1, Điều 174, Điểm s Khoản 1 Điều 51, điểm h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Trần M từ: 24 tháng đến 26 tháng tù.

3. Ý kiến của những người tham gia tố tụng:

- *Người bị hại anh Nguyễn Thành G trình bày trong hồ sơ vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt:* Anh yêu cầu bị cáo Trần M bồi thường số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Về trách nhiệm hình sự của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị B trình bày trong hồ sơ vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt:* Bà không yêu cầu bồi thường về dân sự.

- Lời nói sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi sai trái của mình, bị cáo kính mong HĐXX xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tố tụng:

Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của pháp luật tố tụng hình sự; các văn bản tố tụng được tống đạt hợp lệ và đầy đủ. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Người bị hại anh Nguyễn Thành G, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt; Tuy nhiên anh G đã có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại, bà B không yêu cầu về phần dân sự, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ và việc vắng mặt trên không ảnh hưởng đến việc xét xử; do đó Tòa án xét xử vắng mặt bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Về hành vi bị truy tố, tội danh và các tình tiết liên quan đến việc quyết định hình phạt:

- *Những chứng cứ xác định có tội:* Tại phiên tòa bị cáo Trần M thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai trong biên bản hỏi cung bị can, biên bản lấy lời khai bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, kết luận định giá tài sản, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 00 giờ 30 ngày 27/6/2019, tại tổ 24, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, Trần M và người tên T (không rõ nhân thân, lai lịch) đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản 01 (một) xe mô tô biển số 60B2-xxx.xx của anh Nguyễn Thành G, có tổng giá trị tài sản định giá là 16.395.000 đồng (mười sáu triệu, ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

- Xét tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và lỗi: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại được Nhà nước bảo vệ, gây ảnh hưởng trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo biết việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

- Về tội danh: Từ căn cứ trên, xác định bị cáo Trần M phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại Khoản 1, Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Như vậy, Tại Cáo trạng số: 150/CT-VKSBH ngày 21/3/2022 và Quyết định sửa đổi, bổ sung Cáo trạng số 221/QĐ – VKSBH ngày 29/4/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo Trần M về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo các điều khoản tương ứng nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo M đã bị Tòa án nhân dân thành phố B kết án 05 năm 06 tháng tù vào ngày 20/4/2011 (lúc thực hiện hành vi phạm tội bị cáo được 17 tuổi 02 tháng 07 ngày), bị cáo chấp hành xong bản án vào ngày 27/4/2018, tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án này thì bị cáo chưa được xóa án tích. Do đó, Hội đồng xét xử xác định bị cáo phạm tội lần này là tái phạm theo quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải thuộc trường hợp được quy định tại điểm s Khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Từ những nhận định trên, xét về tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả của hành vi phạm tội gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo cũng như yêu cầu của việc đấu tranh phòng chống tội phạm, Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo Trần M để đảm bảo sự nghiêm minh, khoan hồng của phát luật và giáo dục, răn đe phòng ngừa chung.

[***3] Trách nhiệm bồi thường thiệt hại về dân sự:***

Người bị hại anh Nguyễn Thành G yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Tại phiên tòa bị cáo đồng ý nên ghi nhận.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị B không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[*4] Về vật chứng và các vấn đề khác có liên quan vụ án*:

- Đối với 01 (một) xe mô tô biển số 60B2-xxx.xx bị cáo M và người tên T (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đã đem cầm cho người tên N (chưa rõ nhân thân, lai lịch) không thu hồi được nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Đối với người tên T (chưa rõ nhân thân, lai lịch) có hành vi cùng với Trần M lừa đảo chiếm đoạt xe mô tô biển số 60B2-xxx.xx của anh Nguyễn Thành G và người tên N (chưa rõ nhân thân, lai lịch) có hành vi cầm xe mô tô biển số 60B2-xxx.xx do M, T phạm tội mà có. Do chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố B tách ra, tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau là phù hợp.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Nhận định về phần trình bày của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa:

- Đối với phần trình bày của Kiểm sát viên: Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh nêu trên và đề nghị mức hình phạt phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

- Đối với ý kiến của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Áp dụng Khoản 1, Điều 174; điểm s Khoản 1 Điều 51, Điểm h Khoản 1 Điều 52, Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14;

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần M phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần M 02 năm tù. Tổng hợp hình phạt với bản án số 534/2021/HSST ngày 14/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố B. Buộc bị cáo phải chấp hành tổng cộng là 03 (ba) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 21/4/2021. Thời gian đã chấp hành hình phạt của bán án 534/2021/HSST ngày 14/12/2021 được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt chung.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; áp dụng Khoản 5, Điều 275, 357, 468, 584, 586 và 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Trần M phải bồi thường cho người bị hại anh Nguyễn Thành G số tiền 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành các số tiền nêu trên, thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được tính theo quy định tại Khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Trần M phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại anh Nguyễn Thành G, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị B được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Bị cáo, bị hại,
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra; Cơ quan Thi hành án hình sự, Nhà tạm giữ – Công an thành phố B;
- Chi Cục Thi hành án Dân sự thành phố B;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thuý

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- Bị cáo, bị hại,
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra; Cơ quan Thi hành án hình sự, Nhà tạm giữ – Công an thành phố Biên Hòa;
- Chi Cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thuý

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**